

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Văn Hải
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Lưu Đình Tâm; bà Nguyễn Thị Hà.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch

Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022; Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn M; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã A, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/6/2006. Sau khi ngày cưới vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp nên hay xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cả hai bên đều mệt mỏi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị T được ly hôn anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Khánh N, sinh ngày: 03/10/2006 và cháu Bùi Duy K, sinh ngày: 25/12/2008. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hai cháu là 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng một tháng) đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn M để nộp bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Bùi Văn M. Giao cháu Bùi Khánh N, sinh ngày: 03/10/2006 và cháu Bùi Duy K, sinh ngày: 25/12/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hai cháu số tiền 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn M chịu số tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn M. Anh M cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định

đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho Anh M nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh M và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh M theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh M đã được triệu tập đến tham gia hòa giải nhưng anh M vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Anh M cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Bùi Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/6/2006 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống nên hay xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ, chồng xảy ra nhiều bất hòa. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là cháu Bùi Khánh N, sinh ngày: 03/10/2006 và cháu Bùi Duy K, sinh ngày: 25/12/2008. Cả hai cháu hiện nay đều ở với chị T và có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, đây là nguyện vọng chính đáng của chị T để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu. HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu của chị T. Giao hai cháu Bùi Khánh N và Bùi Khánh Duy cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền 1.000.000 đồng/ tháng/ cháu. Hai cháu số tiền là 2.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82; 83; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Bùi Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Bùi Khánh N, sinh ngày: 03/10/2006 và cháu Bùi Duy K, sinh ngày: 25/12/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi con (Hai con là 2.000.000 đồng mỗi tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9/2022 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu tòa bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007649 ngày 25/5/2022. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ tiền án phí theo quy định. Anh Bùi Văn M phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Hoàng Thị T và anh Bùi Văn M. Chị T và anh M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã A, huyện Thạch
Thành;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạch
Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Xuân

Bùi Văn Tuấn

Bùi Văn Hòa

